

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2

Ngày 31/03/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.4%	-2.5%	8.3%

DT thuần Q1/25
30.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼69.7 -69.7%
YoY: ▲ 2.50 9.1%

LN thuần Q1/25
3.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18 6.2%
YoY: ▲ 2.16 242%

LN sau thuế Q1/25
2.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.22 10.1%
YoY: ▲ 1.81 328%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
17.5%
YoY: +/-▲ 11.9%

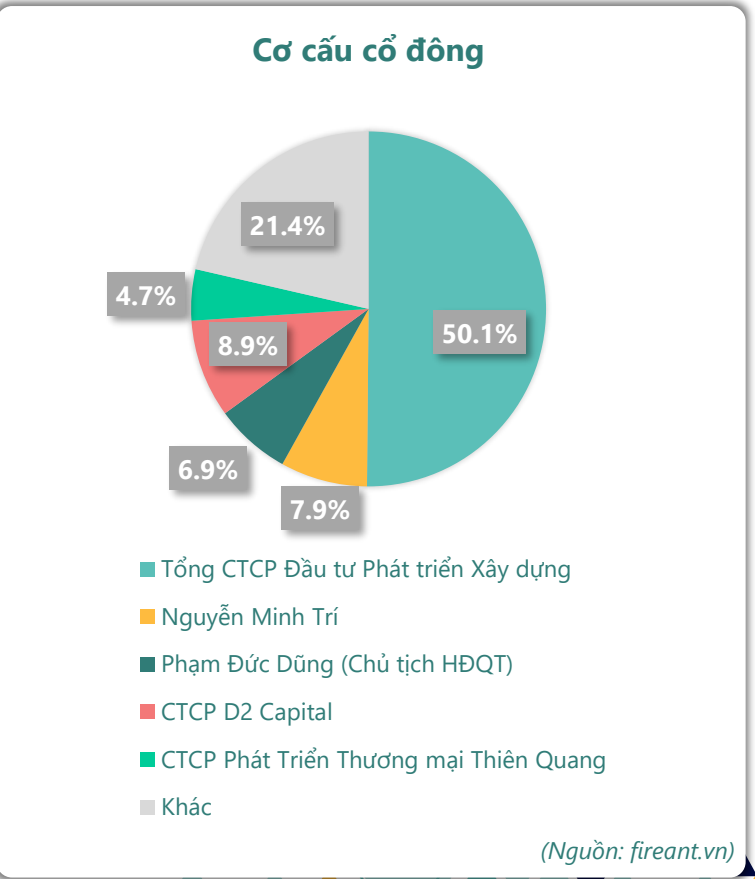
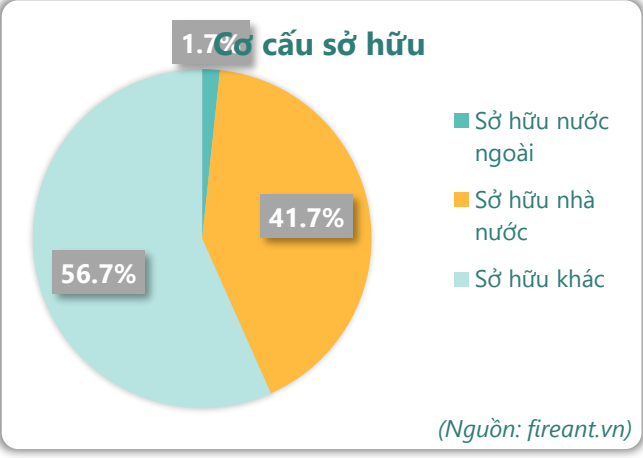
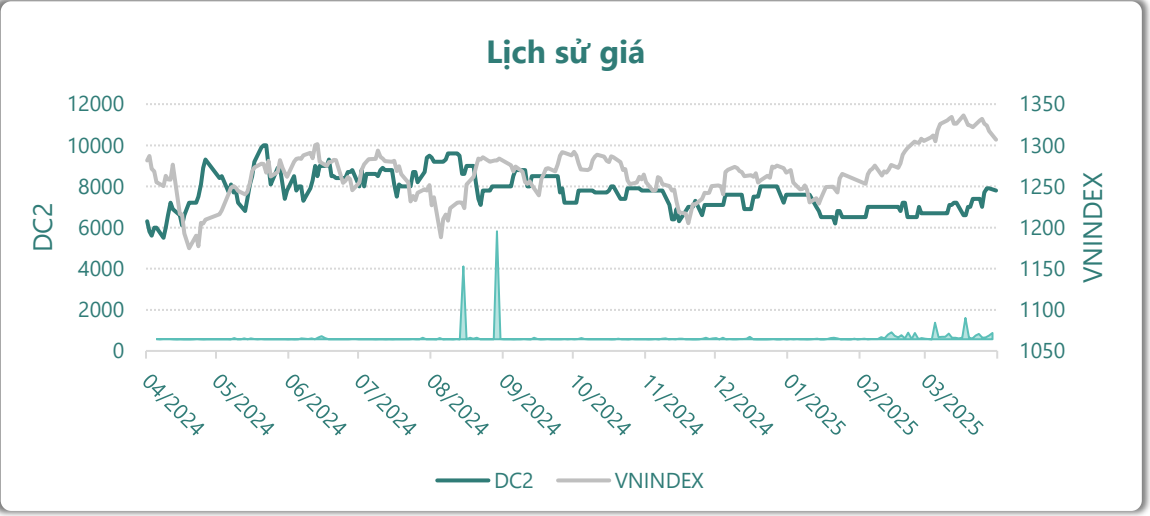
ROE (TTM) Q1/25
7.3%
YoY: +/-▲ 1.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	10,975,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	
EPS	671
P/E	11.6

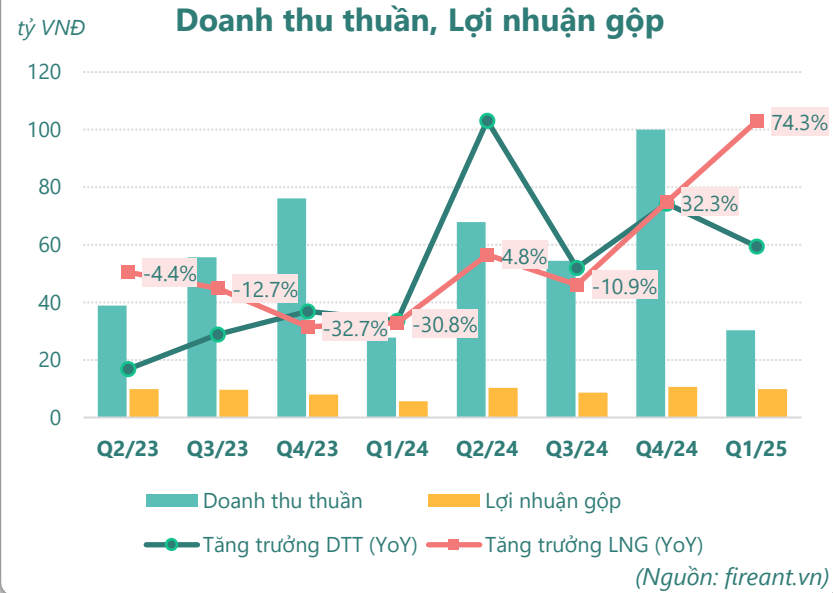
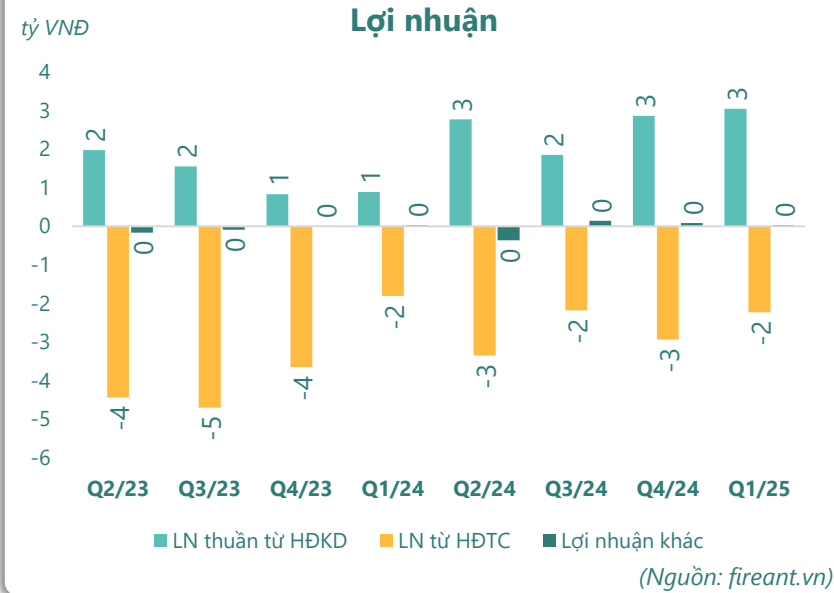
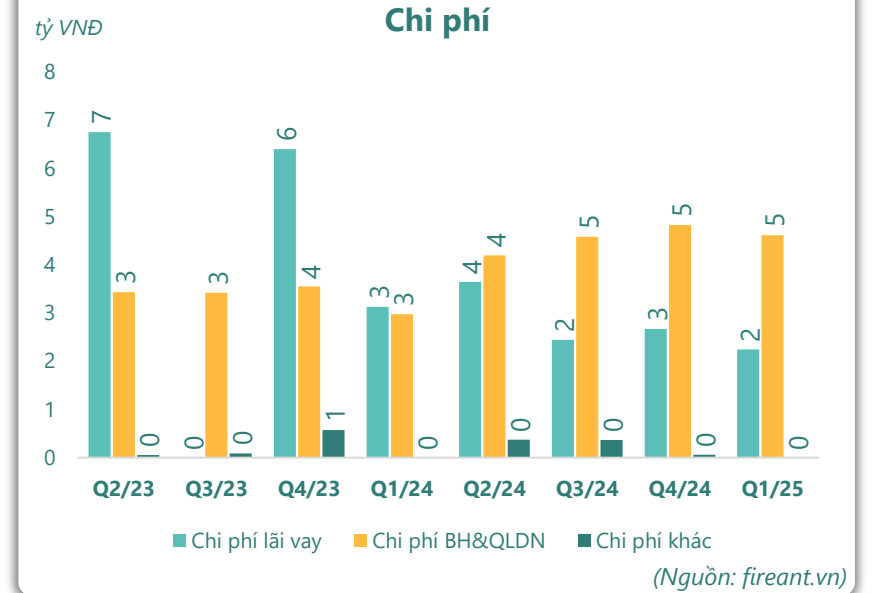
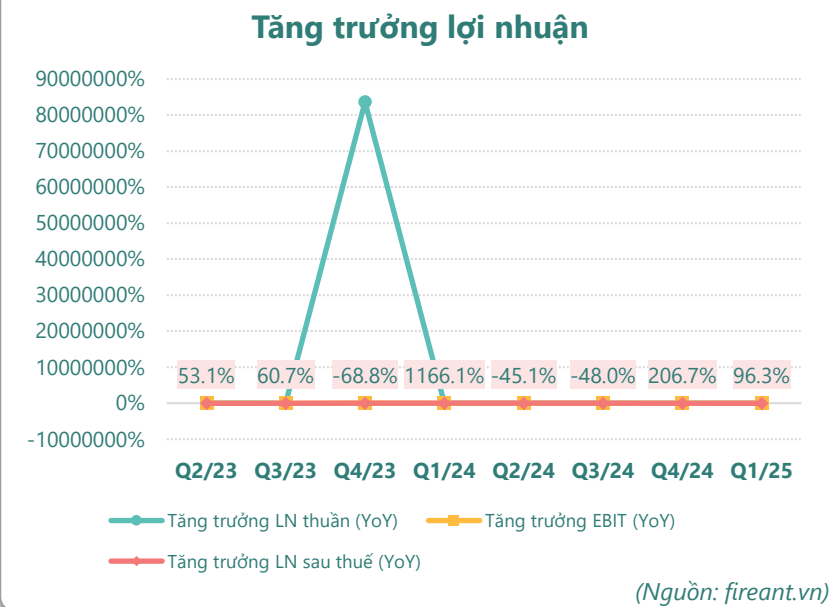
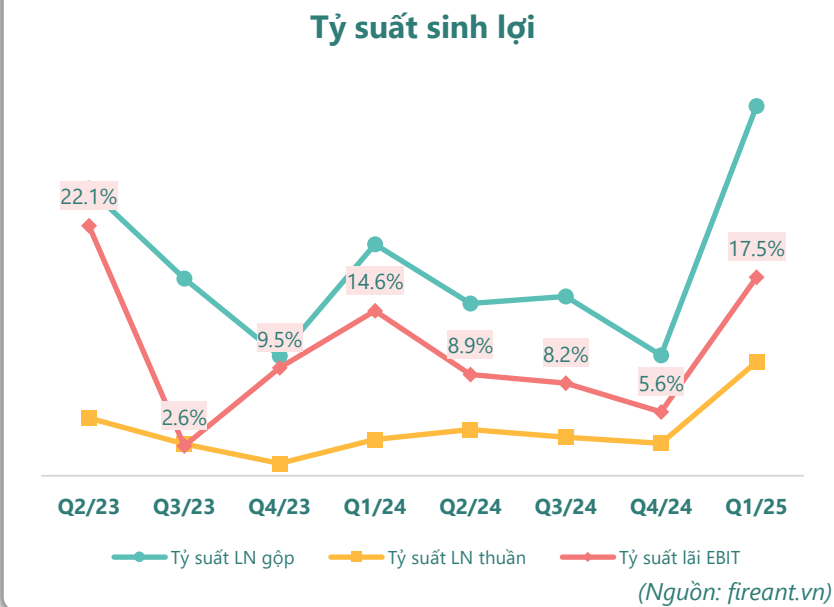
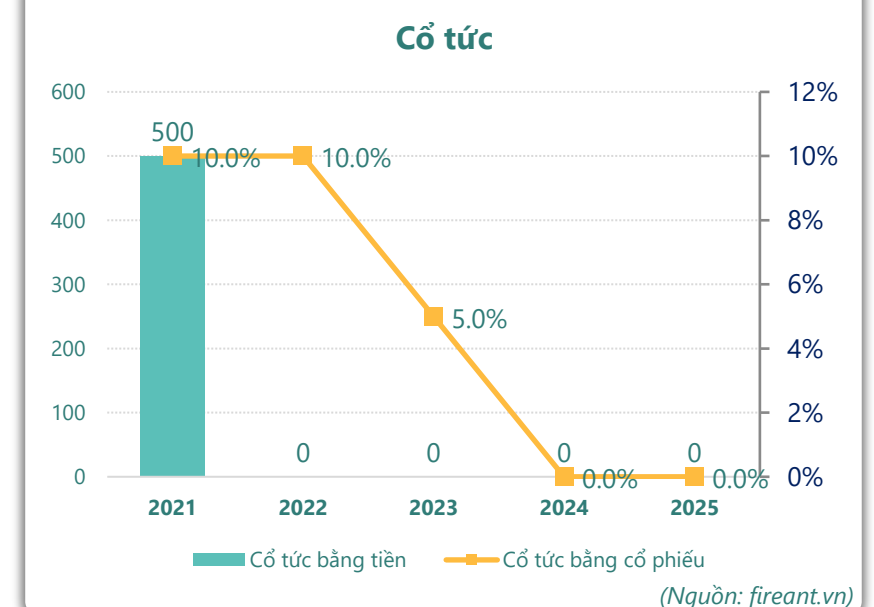
DT thuần 2024
250
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0 19.2%

LN thuần 2024
8.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.18 99.4%

LN sau thuế 2024
5.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.55 447%



KẾT QUẢ KINH DOANH

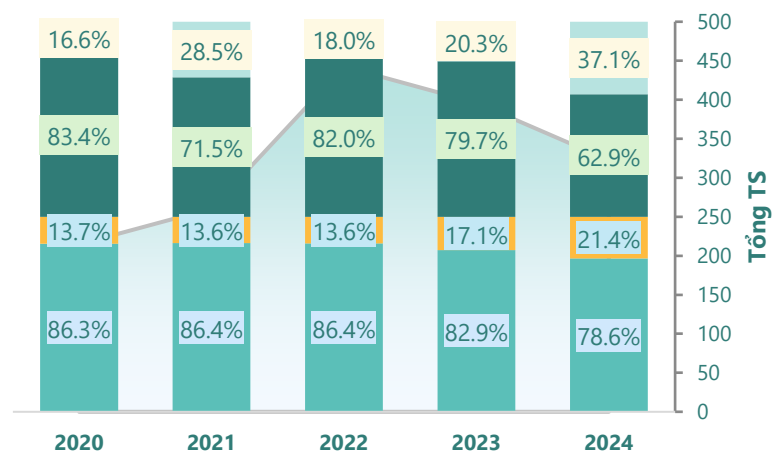




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

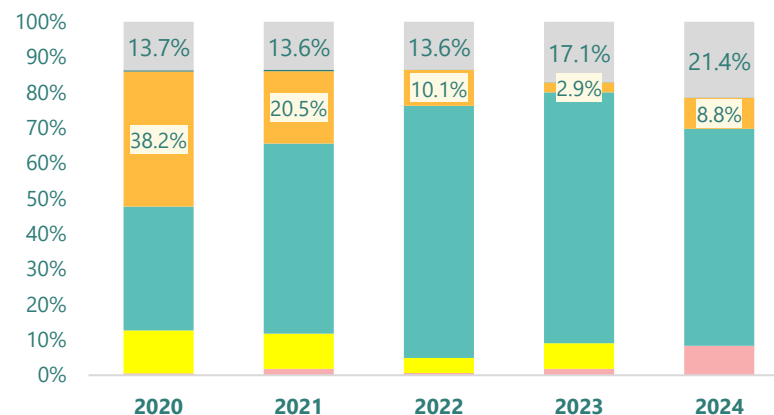
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

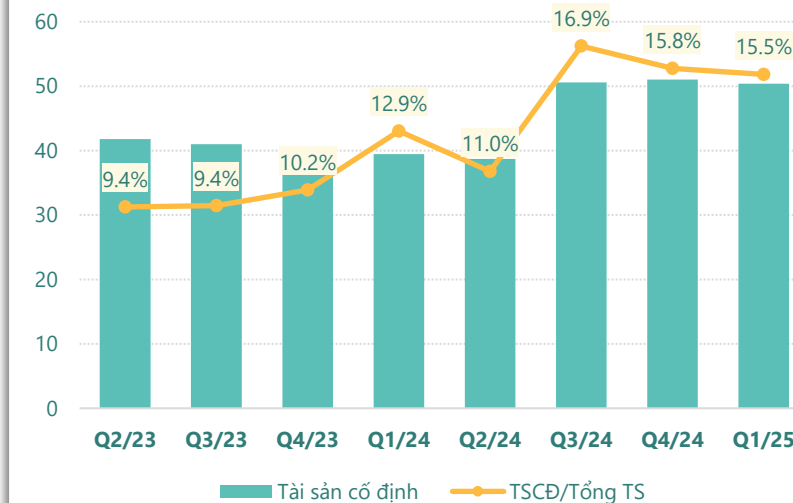
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

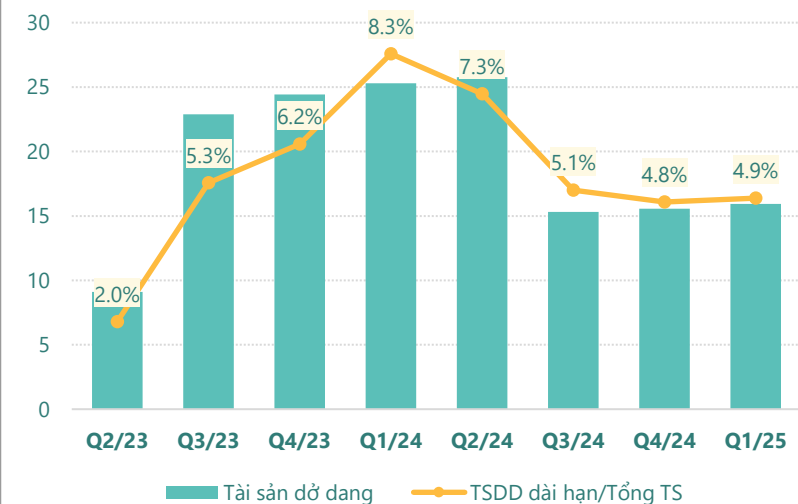
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

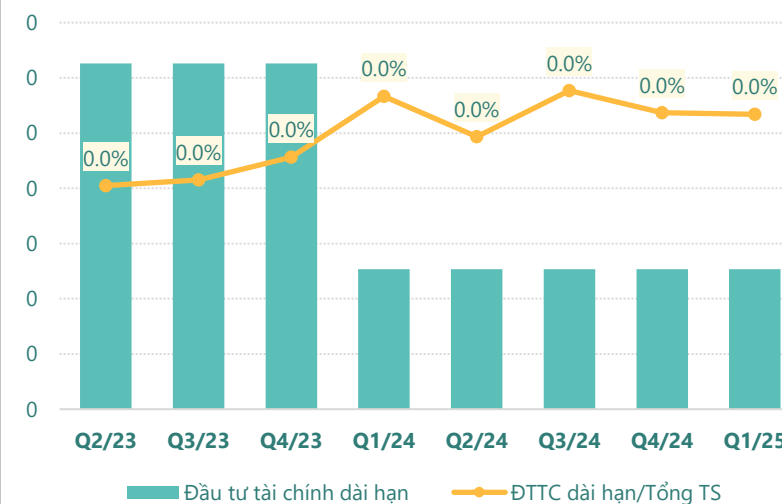
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

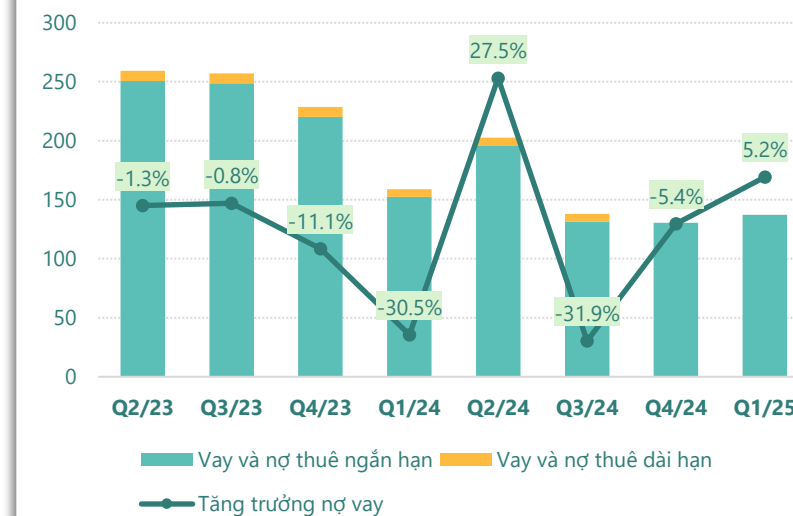
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

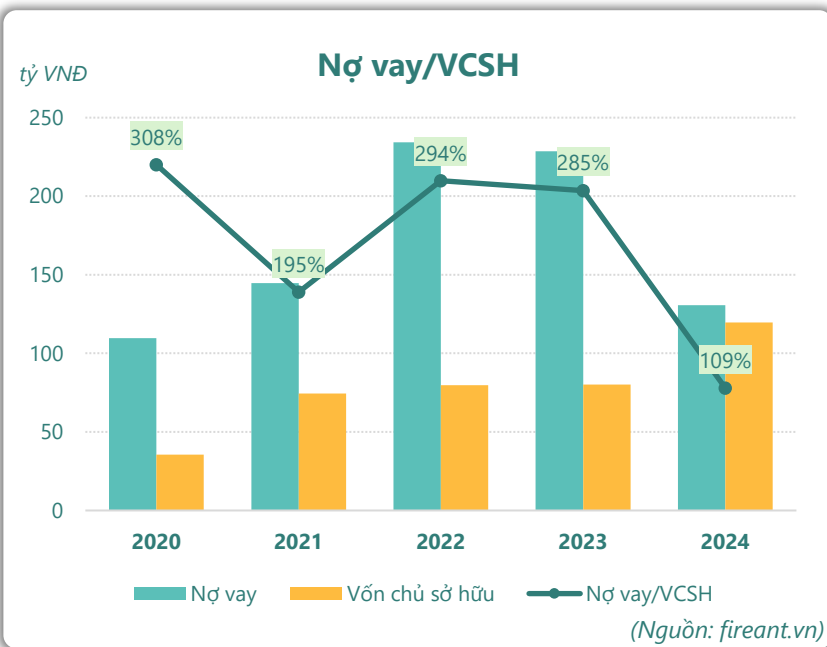
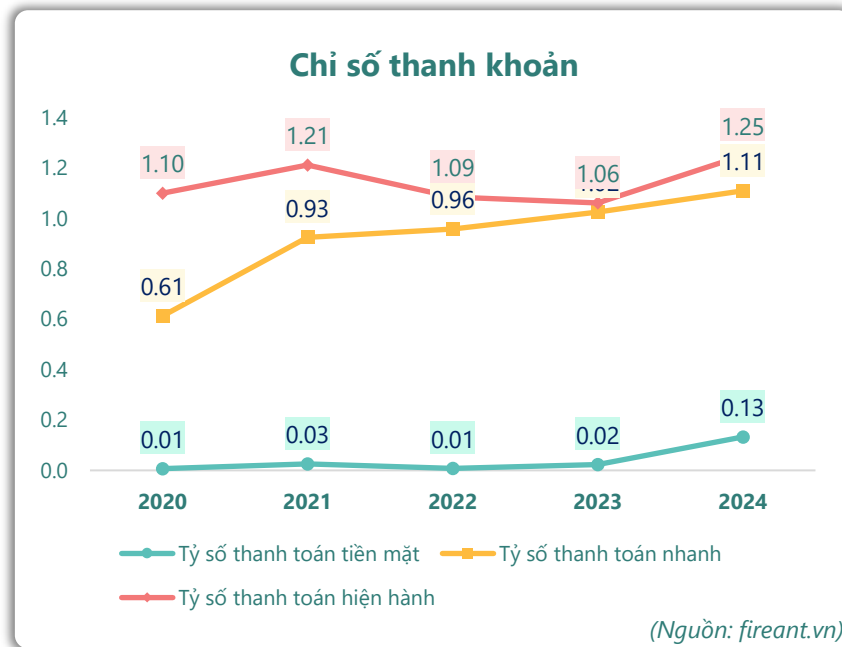
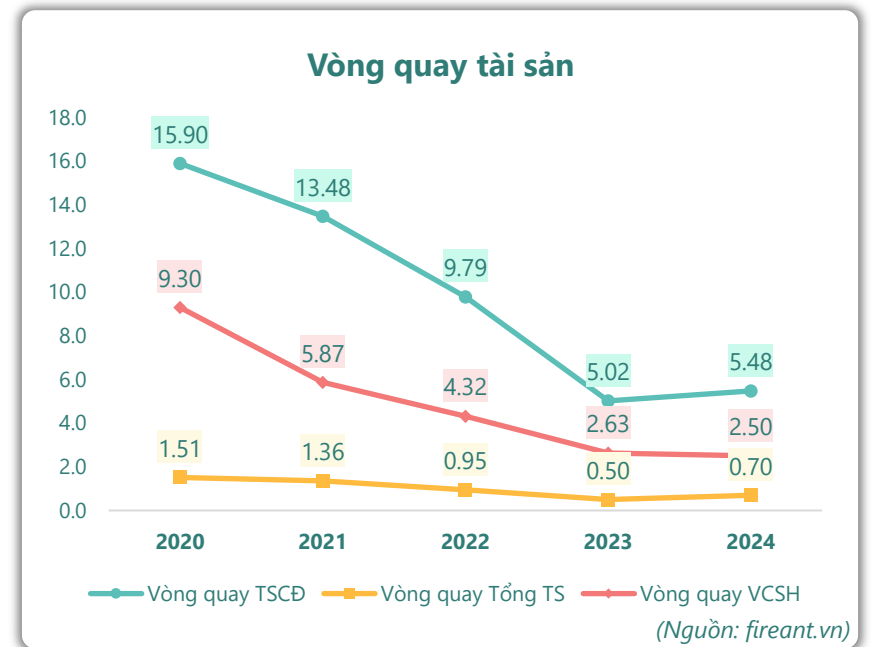
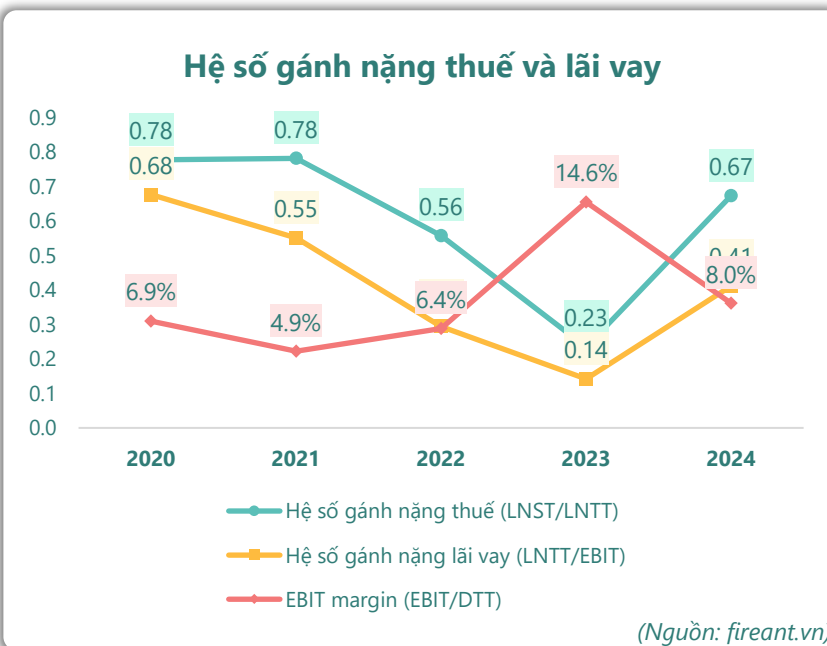
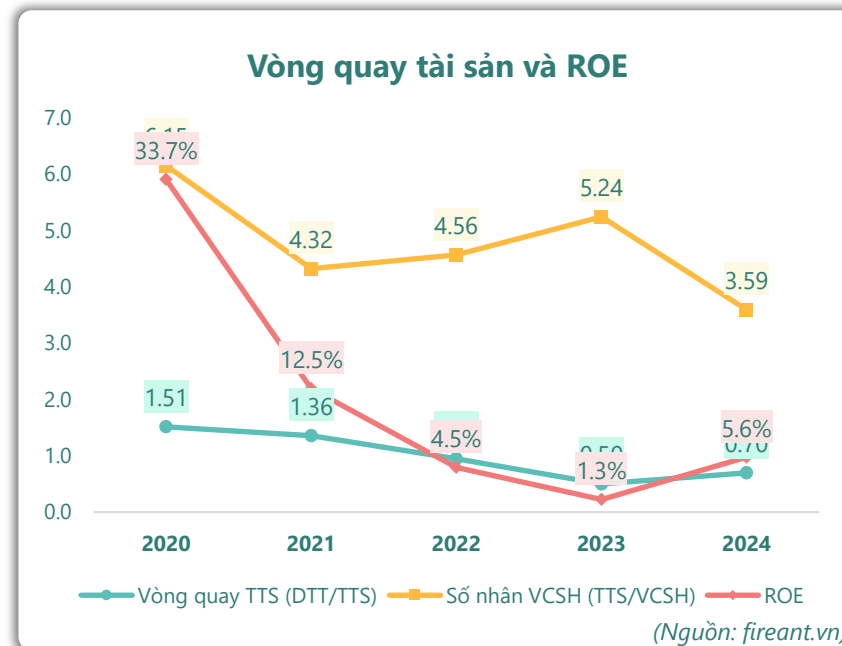
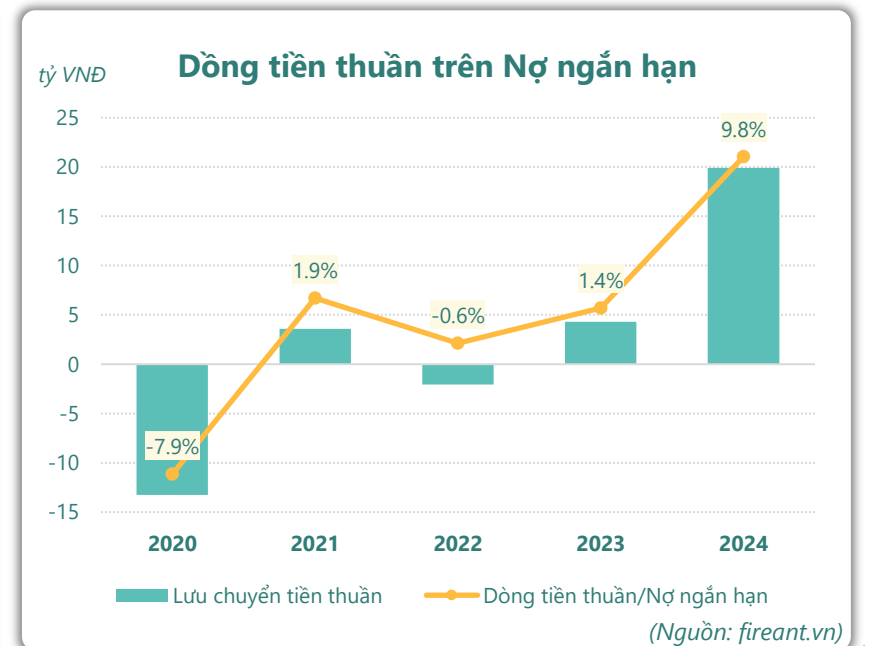
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	30.3	27.8	9.1%	250	210	19.2%
Giá vốn hàng bán	20.4	22.1	-7.5%	215	174	23.7%
Lợi nhuận gộp	9.90	5.68	74.2%	35.2	36.1	-2.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	1.32	-99.2%	1.61	7.79	-79.3%
Chi phí TC	2.24	3.13	-28.3%	11.9	26.6	-55.3%
Chi phí lãi vay	2.24	3.13	-28.3%	11.8	26.2	-54.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.07	0.00		0.04	0	
Chi phí QLDN	4.54	2.97	53.0%	16.5	13.1	26.7%
LN thuần từ HĐKD	3.05	0.89	242%	8.38	4.20	99.4%
Lợi nhuận khác	0.03	0.03	-14.7%	-0.11	0.14	-177%
LN trước thuế	3.07	0.92	234%	8.28	4.34	90.5%
Lợi nhuận sau thuế	2.36	0.55	328%	5.57	1.02	447%
LNST của CĐ cty mẹ	2.36	0.55	328%	5.57	1.02	447%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.2	71.7	-53.1	66.9	-30.0	-1.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	4.92	-5.58	29.0	-9.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.9	-73.0	47.0	-64.7	26.7	6.73
Tiền đầu kỳ	5.69	6.99	5.71	4.53	1.15	26.9
Lưu chuyển tiền thuần	1.30	-1.29	-1.17	-3.39	25.8	-5.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.99	5.71	4.53	1.15	26.9	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	324	322	0.5%
Tài sản ngắn hạn	256	253	0.9%
Tiền và tương đương tiền	21.9	26.9	-18.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	0	
Phải thu ngắn hạn	167	198	-15.7%
Hàng tồn kho	54.7	28.4	92.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.35	0.36	546%
Tài sản dài hạn	68.5	69.0	-0.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	50.4	51.0	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.9	15.6	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.08	2.35	-11.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	202	203	-0.3%
Nợ ngắn hạn	202	203	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	131	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.5	50.9	7.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	122	120	2.0%
Vốn chủ sở hữu	122	120	2.0%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

